**TRƯỜNGTHCS NGUYÊN VĂN CỪ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỔ: KHTN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN  
MÔN HỌC: KHOA HỌC TỰ NHIÊN, KHỐI LỚP 6**

(Năm học 2021 - 2022)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 8 lớp; Số học sinh: 356học sinh.

**2. Tình hình đội ngũ**: Số giáo viên:5; Trình độ đào tạo: Đại học: 05,

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên : Tốt: 05; Khá: 00; Đạt: 00; Chưa đạt: 00.

**3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | -Kính lúp  -Kính hiển vi quang học | - 12 cái  - 02 cái  (Sử dụng được) | Bài 2 Mục I.3. Sử dụng kính lúp   Bài 4. Sử dụng kính hiển vi quang học |  |
| 2 | - Kính hiển vi  - Lam kính  - La men  - Ống nhỏ giọt,  - Nước cất  - Giấy thấm  - Kim mũi mác  - Dao mổ. | - 02 cái  - 03 hộp  - 03 hộp  - 06 cái  - 06 hộp  - 06 cái  - 06 cái | Bài 12. Mục IV :Thực hành quan sát tế bào |  |
| 3 | - Kính hiển vi  - Lam kính  - La men  - Ống nhỏ giọt,  - Cốc thủy tinh 100ml.  - Giấy thấm | - 02 cái  - 03 hộp  - 03 hộp  - 06 cái  - 08 cái  - 06 hộp | Bài 13. TH: Tìm hiểu tổ chức cơ thể |  |
| 4 | - Kính hiển vi  - Lam kính  - La men  - Ống nhỏ giọt,  - Nước cất  - Giấy thấm  - Kim mũi mác  - Dao mổ.  - Cốc thủy tinh 100ml.  -Nhiệt kế.  -Sữa chua | - 02 cái  - 03 hộp  - 03 hộp  - 06 cái  - 06 hộp  - 06 cái  - 06 cái  - 08 cái  - 06 cái  - 04 hộp | Bài 16. TH: II.2 Cùng nhau làm sữa chua |  |
| 5 | - Kính hiển vi  - Lam kính  - La men  - Ống nhỏ giọt,  - Nước cất  - Giấy thấm  - Cốc thủy tinh 100ml. | - 02 cái  - 03 hộp  - 03 hộp  - 06 cái  - 06 hộp  - 08 cái | Bài 17. Mục II.2 Quan sát nguyên sinh vật |  |
| 6 | - Kính hiển vi  - Lam kính  - La men  - Ống nhỏ giọt,  - Nước cất  - Kính lúp.  - Dao mổ.  - Panh kẹp. | - 02 cái  - 03 hộp  - 03 hộp  - 06 cái  - 06 cái  - 06 cái  - 06 cái | Bài 21. TH: Phân các nhóm thực vật |  |
| 7 | Kính lúp.  Máy ảnh  Găng tay  - Sổ và bút  - Vợt bắt sâu bọ  - Vợt bắt động vật thuỷ sinh  - Vợt bắt động vật nhỏ ở đáy ao, hồ.  -Panh kẹp. | 12 cái  - 04 cái  - mỗi HS 1 đôi ,1tổ1 sổ -bút  06 cái  6 cái  6cái  6 cai | Bài 25: Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. |  |
| 8 | -Bộ thước đo độ dài: Thước cuộn, dây không dãn | 04 bộ | Bài 3. MụcII: Đo chiều dài |  |
| 9 | - Cân đồng hồ, cân bỏ túi, cân điện tử,... | 01 bộ | Bài 3.MụcIII: Đo khối lượng |  |
| 10 | Đồng hồ bấm giây, đồng hồ đeo tay, điện thoại,... | 01 bộ | Bài 3 Mục IV. Đo thời gian |  |
| 11 | - Các loại nhiệt kế (Nhiệt kế điện tử, nhiệt kế màu, nhiệt kế y tế, nhiệt kế phòng thí nghiệm,...), giá đỡ, cốc chịu nhiệt. | 01 bộ  06 nhiệt kế các loại | Bài 4. Đo nhiệt độ |  |
| 12 | -Cốc thủy tinh  -Nhiệt kế  -Parafin | 02 cái  02 cái  100g | Bài6. Tính chất và sự chuyển thể của chất |  |
| 13 | -Ống nghiệm  -Cốc thủy tinh  -Chậu thủy tinh  -Lọ thủy tinh  -Đèn cầy  -Thuốc tím | 08 cái  04 cái  04 cái  01 cái  04 cái  30 g | Bài 7. Oxygen. Không khí |  |
| 14 | -Cốc thủy tinh  -Thìa  -Muối ăn  -Đường  -Bột đá vôi | 04 cái  04 cái  100g  100g  5g | Bài 10. Hỗn hợp các chất |  |
| 14 | -Cốc thủy tinh  -Đũa thủy tinh,  -Phễu chiết  -Phễu lọc  -Giấy lọc  -Cát  -Dầu ăn | 08 cái  04 cái  04 cái  04 cái  08 cái  100g  200 ml | Bài 11. Tách chất khỏi hỗn hợp |  |
| 16 | - Bộ dụng cụ để thí nghiệm về lực tiếp xúc, lực không tiếp xúc, về biến dạng của vật, thanh nam châm 2 cực có màu sơn khác nhau. | 01 bộ | Bài 26.MụcI:Bài Lực và tác dụng của lực |  |
| 17 | - Các loại lực kế trong phòng thí nghiệm.  -Một giá treo, một chiếc lò xo, một thước chia độ đến mm, một hộp 4 quả nặng giống nhau, mỗi quả 50g. | 06 bộ | Bài 26.MụcII:Bài Lực và tác dụng của lực |  |
| 01 bộ | Bài 26.MụcII:Bài Lực và tác dụng của lực |  |
| 18 | - Bộ dụng cụ thí nghiệm đo lực tiếp xúc | 01 bộ | Bài 27: Lựctiếp xúc và lực không tiếp xúc |  |
| 19 | - Bộ dụng cụ thí nghiệm về lực cản của nước | 01 bộ | Bài 27: Mục IV Bài:Lựctiếp xúc và lực không tiếp xúc |  |
| 20 | Bộ thí nghiệm về đọ dãn của lò xo | 01 bộ | Bài 29. Lực hấp dẫn |  |
|  |
|  |  |
|  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng thực hành | 01 | Dạy các tiết liên quan đến môn Khoa học tự nhiên |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

1. **Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| 1 | BÀI 1: GIỚI THIỆU VỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN | 3 | -Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên.  -Trình bày được vai trò của khoa học tự nhiên trong cuộc sống.  Phân biệt được các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.  -Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống trong khoa học tự nhiên. |
| **2** | **BÀI 2: AN TOÀN PHÒNG THỰC HÀNH** | 4 | -Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thể tích.  -Biết cách sử dụng kính lúp cầm tay và kính hiển vi quang học.  -Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |
| **3** | **BÀI 3. ĐO CHIỀU DÀI, KHỐI LƯỢNG VÀ THỜI GIAN** | **6** | -Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.  -Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng, chiều dài, thời gian.  -Dùng thước, cân, đồng hồ chỉ ra được một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.  -Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo; ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian trong một số trường hợp đơn giản.  -Đo được chiều dài, khối lượng, thời gian bằng thước, cân, đồng hồ (thực hiện đúng các thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |
| **4** | **BÀI 4. Đo nhIỆt đỘ** | **4** | -Phát biểu được nhiệt độ là số đo độ nóng lạnh của vật.  - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Xen-xi-ớt.  -Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.  -Ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.  - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế. |
| **5** | **Bài tập (Chủ đề 1 và 2)** | **1** | *Củng cố kiến thức chủ đề 1 và 2* |
| **6** | **bài 5.SỰ ĐA DẠNG CỦA CHẤT** | **2** | - Nêu được sự đa dạng của chất.  -Trình bày được đặc điểm cơ bản 3 thể của chất.  -Đưa ra được một số ví dụ về đặc điểm cơ bản 3 thể của chất. |
| **7** | **BÀI 6. TÍNH CHẤT VÀ SỰ CHUYỂN THỂ CỦA CHẤT** | **3** | - Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lý và tính chất hóa học).  -Nêu được khái niệm về sự nóng chảy, sự sôi, sự bay hơi, sự ngưng tụ, sự đông đặc.  -Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể của chất.  -Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể: nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi. |
| **8** | **BÀI 7. OXYGEN VÀ KHÔNG KHÍ** | **2** | -Nêu được một số tính chất của oxygen và thành phần của không khí.  -Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu  -Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.  -Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.  -Trình bày được sự ô nhiễm không khí.  - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |
| **9** | **BÀI TẬP (CHỦ ĐỀ 3 VÀ 4)** | **1** | *Củng cố kiến thức chủ đề3 và4* |
| **10** | **BÀI 8: MỘT SỐ VẬT LIỆU, NHIÊN LIỆU VÀ NGUYÊN LIỆU THÔNG DỤNG** | **4** | -Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất.  -Biết cách tìm hiểu và rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu,  - Nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng.  -Nêu được cách sử dụng một số vật liệu, nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng an toàn, hiệu quả và bảo đảm phát triển bền vững. |
| **11** | **BÀI 9: MỘT SỐ LƯƠNG THỰC- THỰC PHẨM THÔNG DỤNG** | **3** | - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực - thực phẩm thông dụng.  -Biết cách tìm hiểu và rút ra được kết luận về tính chất của một số lương thực - thực phẩm thông dụng. |
| **12** | **BÀI 10. HỖN HỢP, CHẤT TINH KHIẾT, DUNG DỊCH** | **2** | -Nêu được khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết.  -Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất.  -Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi, dung dịch là gì; phân biệt được dung môi và dung dịch.  -Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt dược dung dịch với huyền phù, nhũ tương.  -Nhận ra được một số khí cũng có thể hòa tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước.  -Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước. |
| **13** | **BÀI 11. TÁCH CHẤT RA KHỎI HỖN HỢP** | **3** | -Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.  -Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.  -Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn. |
| **14** | **Bài tập (Chủ đề 5 và 6)** | **1** | *Củng cố kiến thức chủ đề 5 và6* |
| **15** | **BÀI 12. TẾ BÀO – ĐƠN VỊ CƠ SỞ CỦA SỰ SỐNG** | **5** | - Nêu được khái niệm tế bào và chức năng của tế bào.  - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.  - Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: màng tế bào, tế bào chất, nhân tế bào); nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở thực vật.  - Phân biệt được tế bào động vật với tế bào thực vật; tế bào nhân sơ với tế bào nhân thực.  - Nhận biết và nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.  - Quan sát được tế bào có kích thước lớn bằng mắt thường và tế bào có kích thước nhỏ bằng kính lúp và kính hiển vi quang học. |
| **16** | **BÀI 13: TỪ TẾ BÀO ĐẾN CƠ THỂ** | **6** | -Nhận biết được sinh vật dơn bào, sinh vật đa bào và lấy ví dụ minh hoạ.  - Nêu được mối quan hệ giữa tế bào, mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể.  - Nêu được các khái niệm mô cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể và lấy ví dụ minh hoạ.  - Nhận biết và vẽ được hình sinh vật đơn bào, mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh và cơ thể người. |
| **17** | **BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 7** | **1** | *Củng cố kiến thức chủ đề 7* |
| **18** | **BÀI 14: PHÂN LOẠI THẾ GIỚI SỐNG** | **3** | -Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.  -Dựa vào sơ đồ, nhận biết được 5 giới của thế giới sống. Lấy được ví dụ cho mỗi giới.  - Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.  -Lấy được ví dụ chứng minh sự đa dạng về số lượng loài và môi trường sống của sinh vật.  - Nhận biết được tên địa phương và tên khoa học của sinh vật. |
| **19** | **BÀI 15: KHÓA LƯỠNG PHÂN** | **2** | -Nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân trong phân loại một số nhóm sinh vật.  -Thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật. |
| **20** | **BÀI 16: VIRUS VÀ VI KHUẨN** | **4** | - Quan sát hình ảnh mô tả được hình dạng, cấu tạo đơn giản của virus, vi khuẩn. Phân biệt được virus và vi khuẩn.  - Nêu được sự đa dạng về hình thái của vi khuẩn.  -Nêu được một số bệnh do virus, bệnh do vi khuẩn gây nên và cách phòng, chống bệnh do virus và vi khuẩn.  - Vân dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn. |
| **21** | **BÀI 17:ĐA DẠNG NGUYÊN SINH VẬT** | **2** | - Nhận biết được một số nguyên sinh vật như tảo lục đơn bào, tảo silic, trùng roi, trùng giày, trùng biến hình thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật.  - Nêu được sự đa dạng và vai trò của nguyên sinh vật.  - Nêu được một số bệnh, cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây nên.  - Quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. |
| **22** | **BÀI 17:ĐA DẠNG NẤM** | **2** | - Nhận biết một số loại nấm  - Trình bày được sự đa dạng nấm và vai trò của nấm.  - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra và cách phòng, chống bệnh.  - Vận dụng được hiểu biết về nấm để giải thích một số hiện tượng liên quan trong đời sống.  -Quan sát và vẽ được hình một số loại nấm. |
| **23** | **BÀI 19. ĐA DẠNG THỰC VẬT** | **6** | Phân biệt được các nhóm thực vật : Thực vật không có mạch dẫn (Rêu); Thực vật có mạch dẫn, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật 24có mạch dẫn, có hạt, không có hoa(Hạt trần); Thực vật có mạch dẫn, có hạt, có hoa (Hạt kín) |
| **24** | **BÀI 20. VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT TRONG ĐỜI SỐNG VÀ TRONG TỰ NHIÊN** | **4** | - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). |
| **25** | **BÀI 21. THỰC HÀNH PHÂN CHIA CÁC NHÓM THỰC VẬT** | **2** | Phân chia thực vật thành các nhóm theo các tiêu chí phân loại đã học. |
| **26** | **BÀI 22. ĐA DẠNG ĐỘNG VẬT KHÔNG XƯƠNG SỐNG** | **5** | -Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống. Gọi tên được một số động vật không xương sống điển hình.  - Nêu được một số lợi ích và tác hại của động vật không xương sống trong đời sống.  - Quan sát (hoặc chụp ảnh) được một số động vật không xương sống ngoài thiên nhiên và gọi tên được một số con vật điển hình. |
| **27** | **BÀI 23. ĐA DẠNG ĐỘNG VẬT CÓ XƯƠNG SỐNG** | **5** | - Phân biệt được hai nhóm động vật: không xương sống và có xương sống.  - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống. Gọi được tên một số động vật có xương sống điển hình.  - Nêu được một số ích lợi và tác hại của động vật có xương sống trong đồi sống.  -Quan sát (hoặc chụp ảnh) được một số động vật có xương sống ngoài thiên nhiên và gọi tên được một số con vật điển hình. |
| **28** | **BÀI 24. ĐA DẠNG SINH HỌC** | **2** | - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn.  - Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. |
| **29** | **BÀI 26. TÌM HIỂU SINH VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN** | **3** | -Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.  - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên.  -Sử dụng được khóa lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.  -Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.  -Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật.  - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. |
| **30** | **Bài tập (chủ đề 8)** | **1** | *Củng cố kiến thức chủ đề 8* |
| **31** | **BÀI 26. LỰC VÀ TÁC DỤNG CỦA LỰC** | **5** | -Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.  -Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm: thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyển động, biến dạng vật.  - Đo được lực bằng lực kế lò xo, đơn vị là niutơn (kí hiệu N) (không yêu cầu giải thích nguyên lí đó).  - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ dài và theo hướng kéo hoặc đẩy |
| **32** | **BÀI 28. LỰC MA SÁT** | **2** | -Nêu được lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật; khái niệm về lực ma sát trượt; khái niệm về lực ma sát nghỉ.  -Sử dụng tranh, ảnh (hình vẽ, học liệu điện tử) để nêu được: Sự tương tác giữa bề mặt của hai vật tạo ra lực ma sát giữa chúng.  -Nêu được tác dụng cản trở và tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát.  -Lấy được ví dụ một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ.  -Thực hiện được thí nghiệm chứng tỏ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong nước. |
| **33** | BÀI 29: LỰC HẤP DẪN | **4** | - Nêu được các khái niệm: khối lượng (số đo lượng chất của một vật), lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng), trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật).  -Thực hiện thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo |
| **34** | BÀI 30: CÁC DẠNG NĂNG LƯỢNG | **3** | -Từ tranh ảnh (hình vẽ, hoặc học liệu điện tử) hiện tượng trong khoa học hoặc thực tế, lấy được ví dụ để chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.  -Phân loại được năng lượng theo tiêu chí. |
| **35** | **Bài 31: SỰ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG** | **4** | -Lấy ví dụ chứng tỏ được năng lượng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác.  -Nêu được năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác.  -Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy ví dụ minh họa.  -Nêu được sự truyền năng lượng ở một số trường hợp đơn giản trong thực tiễn.  -Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động hàng ngày. |
| **36** | **Bài 32: NHIÊN LIỆU VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO** | **2** | -Nêu được vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy gọi là nhiên liệu.  - Lấy được ví dụ về một số loại năng lượng tái tạo thông dụng. |
| **37** | **BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 9 VÀ 10** | **1** | *Củng cố kiến thức chủ đề 9 và 10* |
| **38** | **BÀI 33. HIỆN TƯỢNG MỌC VÀ LẶN CỦA MẶT TRỜI** | **4** | -Giải thích được một cách định tính và sơ lược: từ Trái Đất thấy Mặt Trời mọc vàlặn hằng ngày.  - Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt trăng, các hành tinh và sao chổi là phản xạ ánh sáng Mặt Trời. |
| **39** | **BÀI 34. CÁC HÌNH DẠNG NHÌN THẤY CỦA MẶT TRĂNG** | **4** | -Thiết kế mô hình thực tế (hoặc vẽ hình) để giải thích một số hình dạng nhìn thấy Mặt Trăng trong tuần Trăng. |
| **40** | **BÀI 35. HỆ MẶT TRỜI VÀ NGÂN HÀ** | **2** | - Nêu được Mặt Trời và sao phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời.  -Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kỳ quay khác nhau.  -Sử dụng tranh ảnh (hình vẽ hoặc học liệu điện tử) chỉ ra được Mặt Trời là một phần nhỏ của dãy Ngân Hà. |
| **41** | **BÀI TẬP (CHỦ ĐỀ 11)** | **1** | *Củng cố kiến thức chủ đề 11* |
| 42 | Đánh giá giữa Học kỳ I | 2 | - Thể hiện trong ma trận và đặc tả của đề kiểm tra. |
| 43 | Ôn tập | 3 | - Ôn tập, hệ thống hóa kiến thức đã học trong học kỳ I.  - Vận dụng kiến thức đã học trong chương để giải thích các hiện tượng thực tế, giải các bài tập có liên quan đến các kiến thức đã học. |
| 44 | Đánh giá cuối Học kỳ I | 2 | - Thể hiện trong ma trận và đặc tả của đề kiểm tra. |
| 45 | Đánh giá giữa Học kỳ II | 2 | - Thể hiện trong ma trận và đặc tả của đề kiểm tra. |
| 46 | Ôn tập | 3 | - Ôn tập, hệ thống hóa kiến thức đã học trong học kỳ II.  - Vận dụng kiến thức đã học trong chương để giải thích các hiện tượng thực tế, giải các bài tập có liên quan đến các kiến thức đã học. |
| 47 | Đánh giá cuối Học kỳ II | 2 | - Thể hiện trong ma trận và đặc tả của đề kiểm tra. |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ I | 90 phút | Tuần 09 | Thể hiện trong ma trận và đặc tả của đề kiểm tra. | Viết trên giấy |
| Cuối Học kỳ I | 90 phút | Tuần 18 | Thể hiện trong ma trận và đặc tả của đề kiểm tra. | Viết trên giấy |
| Giữa Học kỳ II | 90 phút | Tuần 26 | Thể hiện trong ma trận và đặc tả của đề kiểm tra. | Viết trên giấy |
| Cuối Học kỳ II | 90 phút | Tuần 35 | Thể hiện trong ma trận và đặc tả của đề kiểm tra. | Viết trên giấy |

**III. Các nội dung khác**

- Tham gia xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu, kém theo phân công của nhà trường.

- Tham gia xây dựng, thực hiện và báo cáo kết quả các hoạt động giáo dục theo phân công của nhà trường nhằm chủ yếu hình thành phầm chất nhân cách, giá trị, kĩ năng sống cho học sinh, từ đó góp phần thực hiện được nhiệm vụ giáo dục đạo đức, thẫm mĩ, sức khỏe, lao động, ....

- Tham gia xây dựng, thực hiện và báo cáo kết quả các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác theo kế hoạch giáo dục và phân công của nhà trường, …./.

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  **(Ký và ghi rõ họ tên)**  Trần Thị Thủy | **Yên Thế, ngày tháng năm 2021**  **HIỆU TRƯỞNG**  **(Ký và ghi rõ họ tên)**    **Hoàng Thúy Ngần** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG:  THCS A CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **TỔ: KHTN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**  (Năm học 2021 - 2022)  **1. Khối lớp:6; Số học sinh: 356học sinh**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Chủ đề  (1) | Yêu cầu cần đạt  (2) | Số tiết  (3) | Thời điểm  (4) | Địa điểm  (5) | Chủ trì  (6) | Phối hợp  (7) | Điều kiện thực hiện  (8) | | 1 | CHÚNG EM LÀ NHÀ SINH VẬT HỌC | * Thông qua trải nghiệm thực tế, học sinh cần đạt các yêu cầu:   +Sử dụng thành thạo kính hiển vi trong phòng thí nghiệm.  +Quan sát được tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ bằng KHV.  + Làm được tiêu bản tế bào biểu bì thực vật, quan sát và nhận biết được các thành phần cơ bản trong tế bào.  + Vẽ hình và so sánh được sự khác nhau giữa các tế bào đã quan sát. | 2 | Tuần 5, 6 | Phòng học | Tổ chuyên môn Lý Hóa Sinh Thể dục xây dựng kế hoạch | -GV chủ nhiệm khối 6;  -TPT Đội. | -Tranh kính hiển vi và các bước quan sát tế bào thực vật  - Kính hiển vi, lam kính, la men, ống nhỏ giọt, nước cất, giấy thấm, kim mũi mác, dao mổ, …  - Giấy A4, bút chì, ….  -Phiếu đánh giá. | | 2 | STEM: Vi khuẩn với cuộc sống của chúng ta | - HS nêu được những mặt lợi và hại của vi khuẩn.  - HS tiến hành làm các sản phẩm dưới sự hướng dẫn của GV:  +Làm sữa chua:thực hiện các bước làm sữa chua->Thấy được vai trò có lợi của vi khuẩn.  + Để 1 ít thực phẩm trong điều kiện tự nhiên (thời gian từ 1-2 ngày) ->Thấy được tác hại của vi khuẩn.  -Làm được tiêu bản vi khuẩn và vẽ hình vi khuẩn quan sát được. | 2 | Tuần 14, 15 | Phòng học | Tổ chuyên môn Lý Hóa Sinh Thể dục xây dựng kế hoạch;  -GVCN Khối 6 phối hợp quản lí lớp | 1/ Về phía nhà trường:  -Đại diện BGH (nếu có).  -GV tổ chuyên môn Lý Hóa Sinh Thể dục: 06 GV  -GV chủ nhiệm khối 6;  -TPT Đội.  2/ Về phía phụ huynh :  Đại cha mẹ học sinh của lớp (mỗi lớp 01 phụ huynh). | -Video về ứng dụng của vi khuẩn trong đời sống con người.  - Kính hiển vi, lam kính, la men, ống nhỏ giọt, giấy thấm, nước cất, cốc thủy tinh 100ml, nhiệt kế.  -04 hộp sữa chua, hũ đựng, nồi ủ, …  -Phiếu đánh giá. | | 3 | DỰ ÁN:  “Đại sứ môi trường” | - Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động hằng ngày. | 1 | Tuần 29 | Phòng học | Tổ chuyên môn Lý Hóa Sinh Thể dục xây dựng kế hoạch;  -Đội phối hợp để quản lí học sinh. | 1/ Về phía nhà trường:  -Đại diện BGH (nếu có).  -GV tổ chuyên môn Lý Hóa Sinh Thể dục: 06 GV  -GV chủ nhiệm khối 6 phối hợp nhận các sản phẩm tái chế từ hộp giấy do học sinh nộp về.  -TPT Đội.  2/ Về phía phụ huynh :  Đại cha mẹ học sinh của lớp (mỗi lớp 01 phụ huynh). | -Các sản phẩm tài chế từ hộp giấy do HS làm ra đã được đánh giá và lựa chọn;  -Phiếu đánh giá. |   **2. Khối lớp: 9; Số học sinh: 326học sinh**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Chủ đề  (1) | Yêu cầu cần đạt  (2) | Số tiết  (3) | Thời điểm  (4) | Địa điểm  (5) | Chủ trì  (6) | Phối hợp  (7) | Điều kiện thực hiện  (8) | | 1 | DỰ ÁN “Phóng viên môi trường” | -HS chỉ ra được các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở địa phương và từ đó đề xuất được các biện pháp khắc phục. | 2 tiết | - Tuần 31 | Phòng học | **1/Về phía nhà trường:**  -Tổ chuyên môn Lý Hóa Sinh Thể dục xây dựng kế hoạch.  -Các giáo viên trong tổ hỗ trợ hướng dẫn các lớp điều tra tình hình môi trường theo khu vực.  -GV chủ nhiệm phối hợp quản lí lớp. | **1/Về phía nhà trường:**  -Giáo viên bộ môn tổ: 06 GV, đại diện BGH nếu có.  -GV chủ nhiệm các lớp khối 9: 3 GV.  -TPT Độiphối hợp quản lí HS.  -Đại diện đại diện cha mẹ học sinh:3 người.  **2/Về phía phụ huynh:** Phụ huynh học sinh lớp 9 phối hợp quản lí học sinh. | -Hồ sơ học tập: Bảng điều tra tình hình môi trường của HS; Clip, hình ảnh HS thu thập(nhóm);  -Ti vi/máy chiếu, máy vi tính, loa.  -Phiếu đánh giá.  - Kinh phí: nhà trường, phụ huynh, ...  *( Kế hoạch tài chính đính kèm).* |  |  |  | | --- | --- | | **TỔ TRƯỞNG**  **(Ký và ghi rõ họ tên)**  Trần Thị Thủy | **Yên Thế, ngày tháng năm 2021**  **HIỆU TRƯỞNG**  **(Ký và ghi rõ họ tên)**    **Hoàng Thúy Ngần** | |